

Số: 2962/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định: số 547/QĐ-LĐTBXH ngày 21/5/2020; số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020; số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021; số 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021; số 572/QĐ-LĐTBXH ngày 17/05/2021; số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021; số 844/QĐ-LĐTBXH ngày 23/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Công bố các thủ tục hành chính phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Chánh Văn phòng UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Trị (có Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (2b).

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**

**Phụ lục I****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG TRỊ***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)***A. Thủ tục hành chính ban hành mới: 05 TTHC**

<b>Số TT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí/ lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lao động, tiền lương</b>						
1	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể 1.009466.000.00.H50	20 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động-TB và XH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con	
2	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập	7 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động-TB và XH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thẻ1.009467.000.00.H50					nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động</b>						
1	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp  2.002343.000.00.H50	10 ngày làm việc (Số LĐTĐ&XH: 05 ngày làm việc BHXH tỉnh: 05 ngày làm việc)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Việc làm</b>						
1	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm  1.009873.000.00.H50	03 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm  1.009874.000.00.H50	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	

**B. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 14 TTHC**

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lao động, tiền lương</b>						
1	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp  2.001955.000.00.H50	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.	
2	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động  1.000479.000.00.H50	27 ngày làm việc (- Số LĐTB&XH: 20 ngày làm việc - UBND tỉnh: 07 ngày làm việc)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						điều kiện lao động và quan hệ lao động.	
3	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động  1.000464.000.00.H50	22 ngày làm việc (- Số LĐTB&XH: 15 ngày làm việc - UBND tỉnh: 07 ngày làm việc)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.	
4	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động  1.000448.000.00.H50	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp: 22 ngày làm việc  - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ngày làm việc					
5	Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động  1.000436.000.00.H50	17 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.	
6	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động  1.000414.000.00.H50	10 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Bộ Luật Lao động năm 2019;  - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động</b>						
1	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	20 ngày làm việc (Sở Lao động – TB&XH: 15 ngày làm việc; BHXH tỉnh: 05	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	2.000111.000.00.H50	ngày làm việc)				bắt buộc.	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực việc làm</b>						
1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài 1.000105.000.00.00.H50	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 152/2020/ND-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam	
2	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài 2.000205.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	500.000 đồng	Nghị định số 152/2020/ND-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh	



Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài 2.000192.000.00.00.H50	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	350.000 đồng	Nghị định số 152/2020/ND-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam  Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài 2.000219.000.00.00.H50	02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 152/2020/ND-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001865.000.00.H50	07 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	
6	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001823.000.00.H50	05 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	
7	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001853.000.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp; giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05 ngày làm việc</li> <li>- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được</li> </ul>	Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cấp giấy phép: 08 ngày làm việc					

**C. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 04 TTHC**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
1	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh 2.000295.000.00.00.H50	Bảo trợ xã hội	Quyết định 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 2.000113.000.00.00.H50	An toàn lao động	Quyết định 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa (nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) 1.000365.000.00.00.H50	An toàn lao động	Quyết định 844/QĐ-BLĐTBXH ngày 23/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp 2.002103.000.00.00.H50	Lao động, tiền lương	Quyết định 338/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**A. Thủ tục hành chính sửa đổi: 01 TTHC**

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>						
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc 2.000777.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Trực tiếp/bun chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	

**B. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 06 TTHC**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện 1.000674.000.00.00.H50	Bảo trợ xã hội	Quyết định 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện 2.000343.000.00.00.H50	Bảo trợ xã hội	Quyết định 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ	Bảo trợ xã hội	Quyết định 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ

	giúp xã hội cấp huyện 2.000335.000.00.00.H50		Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện 2.002127.000.00.00.H50	Bảo trợ xã hội	Quyết định 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	Gửi thang lương, bảng lương định mức lao động của doanh nghiệp 1.004954.000.00.00.H50	Lao động, tiền lương	Quyết định 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân của họ 1.002738.000.00.00.H50	Người có công	Quyết định 547/QĐ-BLĐTBXH ngày 21/5/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**Phụ lục III****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN CẤP XÃ***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)***A. Thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung: 01 TTHC**

<b>Số TT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí/ lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>						
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở 2.000751.000.00.00.H50	02 ngày làm việc	UBND cấp xã hoặc các cơ quan hành chính cấp trên	Trực tiếp/bun chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	

**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**A. Thủ tục hành chính ban hành mới: 02 thủ tục hành chính**

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Người có công</b>						
1	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh 2.002307.000.00.H50 (Cấp tỉnh, huyện, xã)	Thời gian giải quyết 25 ngày, trong đó: - 5 ngày đối với cấp xã - 10 ngày đối với cấp huyện; - 10 ngày đối với cấp tỉnh	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện; - Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. - Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.	
2	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp 2.002308.000.00.H50 (Cấp tỉnh, huyện, xã)	Không quy định thời gian	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện;	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, - Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Trung tâm PVHCC tỉnh			thời kỳ kháng chiến chống Pháp; - Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH ngày 10/7/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.	

#### B. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục hành chính

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Người có công</b>						
1	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia  1.004964.000.00.H50  (Cấp tỉnh, huyện, xã)	25 ngày làm việc	- UBND cấp xã - UBND cấp huyện - Trung tâm PVHCC tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm	Sửa đổi lĩnh vực



Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						chuyên gia sang giúp Lào vàCăm-pu-chi-a; - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào vàCăm-pu-chi-a.	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>						
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện 2.000286.000.00.00.H50	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện	- UBND cấp xã - UBND cấp huyện - Trung tâm PVHCC tỉnh - Cơ sở Trợ giúp xã hội tỉnh	Trực tiếp/bun chính	không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện 2.000282.000.00.00.H50	10 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện; - Cơ sở trợ giúp xã hội	Trực tiếp/bun chính	không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	

<b>Số TT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí/ lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện 2.000477.000.00.00.H50	07 ngày làm việc	- UBND cấp huyện; - Cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh	Trực tiếp/bưu chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	

**Phụ lục V**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**LIÊN THÔNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**A. Thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung: 06 TTHC**

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>						
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng 1.001776.000.00.00.H50	22 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện	Trực tiếp/bưu chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	
2	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 1.001758.000.00.00.H50	06 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện	Trực tiếp/bưu chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	
3	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện	Trực tiếp/bưu chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí/ lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	1.001753.000.00.00.H50						
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội 1.001731.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện	Trực tiếp/bun chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	
5	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp 1.001739.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện	Trực tiếp/bun chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	
6	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng 2.000744.000.00.00.H50	03 ngày làm việc	- UBND cấp xã; - UBND cấp huyện	Trực tiếp/bun chính	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	

**Tổng cộng: 43 thủ tục**